

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 15/2017/LĐ-PT
Ngày 25-9-2017
V/v tranh chấp đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao động

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhân.

Các Thẩm phán: Bà Thái Thị Hữu Xuân;
Ông Nguyễn Đắc Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Ngô Kim Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 09/2017/TLPT-LĐ ngày 18/8/2017 về việc tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 03/2017/LĐ-ST ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2017/QĐ-PT ngày 05/9/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Quang L, sinh năm 1975. Trú tại: Khu phố A, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Trịnh H, sinh năm 1990; Trú tại: Số N, khu phố Đ, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 05/10/2016). Có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn N. Trụ sở: Khu sản xuất T, khu phố E, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông A – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1984. Địa chỉ: Công ty Trách nhiệm hữu hạn N, Khu sản xuất T, khu phố E, phường T, thị xã B,

tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 24/8/2017). Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm xã hội thị xã B, tỉnh Bình Dương; Trụ sở: Khu phố E, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phi H – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đỗ Quốc Th, sinh năm 1980; Trú tại: Khu phố E, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 10/4/2017). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Lê Quang L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện; bản tự khai; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Trịnh H trình bày:*

Vào ngày 03/6/2013, ông Lê Quang L được Công ty TNHH N (sau đây gọi là Công ty) nhận vào làm việc, hai bên có ký Hợp đồng lao động số 13/2013/HĐ ngày 03/6/2013, loại hợp đồng lao động là không xác định thời hạn với công việc chà nhám thuộc phòng sơn, mức lương 2.520.000 đồng, thời gian làm việc 48 giờ/tuần. Sau đó, Công ty tiếp tục ký các phụ lục để điều chỉnh lương. Ngày 16/9/2015, Công ty ban hành Quyết định số 43/2015-QĐCDHĐLĐ chấm dứt hợp đồng lao động với ông L kể từ ngày ký mà không đưa ra lý do cụ thể. Khi chấm dứt hợp đồng lao động, Công ty đã giải quyết cho ông L 45 ngày báo trước là 6.044.000 đồng, tiền phép năm 2015 là 1.209.000 đồng, phụ cấp thêm là 700.000 đồng, tổng cộng số tiền mà ông L nhận được của Công ty sau khi nghỉ việc là 7.970.440 đồng.

Do Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, trái quy định tại khoản 1 Điều 38 Bộ luật Lao động năm 2012 nên căn cứ vào Điều 41 Bộ luật Lao động, ông L yêu cầu Công ty phải:

1/ Hủy Quyết định cho thôi việc số 43/2015-QĐCDHĐLĐ ngày 16/9/2015;

2/ Nhận ông L trở lại làm việc và bố trí công việc mà trước đây ông L đã làm tại Công ty;

3/ Yêu cầu Công ty thanh toán cho ông L tiền lương và phụ cấp trong những ngày ông L không được làm việc tính từ ngày 16/9/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/6/2017 là 21 tháng 12 ngày, với số tiền 4.742.440 đồng/tháng, bao gồm các khoản: 3.492.000 đồng (đây là mức lương trước khi ông L bị nghỉ việc), lương tay nghề 250.000 đồng, tiền chuyên cần 200.000 đồng, tiền cơm 486.000 đồng, tiền phụ cấp thâm niên 70.000 đồng và tiền phụ cấp hóa chất 244.440 đồng. Các yêu cầu cụ thể:

- Yêu cầu thanh toán 02 tháng tiền lương do Công ty chấm dứt hợp đồng

lao động trái pháp luật: $4.742.440 \text{ đồng} \times 2 \text{ tháng} = 9.484.880 \text{ đồng}$;

- Bồi thường những ngày không được làm việc tạm tính từ ngày 16/9/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/6/2017 là 21 tháng 12 ngày $\times 4.742.440 \text{ đồng} = 101.780.053 \text{ đồng}$;

- Tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế tạm tính từ ngày 01/10/2015 đến ngày 12/6/2017 là: 20 tháng 23 ngày, cụ thể:

+ Từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015: 03 tháng $\times 3.942.000 \text{ đồng} \times 21\% = 2.199.960 \text{ đồng}$ (thời điểm này theo Luật bảo hiểm xã hội tính tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo lương cơ bản);

+ Từ ngày 01/01/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/6/2017 là 18 tháng 3.980.880 đồng (lương cơ bản: 3.492.000 đồng + phụ cấp bao gồm tiền lương tay nghề: 244.440 đồng, tiền độc hại: 244.440 đồng) $\times 21\% = 15.047.726 \text{ đồng}$.

Tổng cộng: 17.247.686 đồng.

- Thanh toán những ngày không báo trước: 45 ngày $\times 4.742.440 \text{ đồng/ tháng} : 26 \text{ ngày} = 8.208.069 \text{ đồng}$. Công ty đã thanh toán 45 ngày $\times 3.492.000 \text{ đồng} = 6.044.000 \text{ đồng}$, Công ty thanh toán mà không cộng các khoản phụ cấp nên ông L yêu cầu Công ty thanh toán phần phụ cấp, sau khi đã trừ tiền Công ty thanh toán thì ông L yêu cầu Công ty thanh toán là 2.164.069 đồng;

- Tiền phép năm 2015 là: 09 ngày $\times 4.742.440 \text{ đồng/ tháng} : 26 \text{ ngày} = 1.641.613 \text{ đồng}$. Công ty đã thanh toán 1.209.000 đồng, Công ty thanh toán mà không cộng các khoản phụ cấp nên ông L yêu cầu Công ty thanh toán phần phụ cấp, sau khi đã trừ tiền Công ty thanh toán thì ông L yêu cầu Công ty thanh toán là 432.613 đồng;

- Trường hợp Công ty không nhận ông L trở lại làm việc thì buộc Công ty thanh toán 02 tháng lương: $4.742.440 \text{ đồng} \times 2 \text{ tháng} = 9.484.880 \text{ đồng}$.

Tổng cộng số tiền mà ông L yêu cầu Công ty thanh toán là: 140.594.187 đồng.

Đối với số tiền 714.440 đồng là số tiền mà Công ty tự nguyện cho ông L do đó ông L không đồng ý khấu trừ số tiền này.

Bị đơn thống nhất toàn bộ lời trình bày của phía nguyên đơn về thời gian nguyên đơn bắt đầu vào Công ty làm việc, thống nhất với loại hợp đồng và phụ lục hợp đồng mà nguyên đơn đã ký kết với Công ty, vị trí công việc mà nguyên đơn làm cũng như mức lương cơ bản và phụ cấp khác. Bị đơn cũng thống nhất với số tiền là 7.970.440 đồng mà bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn sau khi nghỉ việc.

Bị đơn cho nguyên đơn nghỉ việc là do tình hình sản xuất của Công ty gặp khó khăn, số lượng hàng tồn kho tăng nên buộc phải thu hẹp sản xuất. Khi thu hẹp sản xuất, vì không giải quyết được việc làm mới cho công nhân nên buộc phải cắt giảm 31 công nhân lao động đang làm việc tại Công ty. Do đó, ngày 21/7/2015, Công ty đã có quyết định tổ chức lại lao động, kèm theo quyết định

này là danh sách 31 công nhân cho nghỉ việc. Về trình tự, thủ tục trước khi Công ty tổ chức lại lao động thì Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật như trả trợ cấp mất việc làm cho ông L, xây dựng và thực hiện phương án sử dụng lao động, trao đổi với Ban chấp hành Công đoàn cơ sở, thông báo trước 30 ngày bằng Công văn số 01.15/CV-LĐ ngày 21/7/2015 đến Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Dương. Khi nghỉ việc, Công ty cũng đã giải quyết đầy đủ các chế độ cho ông L theo quy định. Như vậy, Công ty N cho ông L nghỉ việc là thuộc trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động vì lý do kinh tế buộc phải tổ chức lại lao động theo khoản 1 Điều 44 của Bộ luật Lao động và được hướng dẫn cụ thể tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị Định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015. Công ty N đã thực hiện đầy đủ các thủ tục và trình tự theo quy định của pháp luật. Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý.

Tại bản tự khai ngày 24/3/2017, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thị xã B, tỉnh Bình Dương là ông Đỗ Quốc Th trình bày:

Theo dữ liệu trong chương trình Quản lý thu bảo hiểm xã hội thì Công ty Nozimi đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông Lê Quang L với số sổ bảo hiểm xã hội 9105131268, có quá trình đóng: Từ tháng 6 – 12/2013 với mức lương 2.520.000 đồng, từ tháng 01 – 6/2014 mức lương 2.895.000 đồng, từ tháng 7 – 12/2014 mức lương 3.045.000 đồng, từ tháng 01 – 9/2015 mức lương 3.492.000 đồng.

Ông Lê Quang L đã nhận trợ cấp thất nghiệp số Quyết định 47251 ngày 16/10/2015 số tháng hưởng 03 tháng, số tiền hưởng 2.095.200 đồng/tháng, lần 1 ngày 29/10/2015, lần 2 ngày 01/12/2015, lần 03 ngày 05/01/2016. Từ tháng 01/2016, ông L tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn tại Công ty TNHH T.

Bảo hiểm xã hội thị xã B không tham gia vào việc xây dựng phương án sử dụng lao động của Công ty TNHH N về việc cắt giảm lao động trong đó có ông Lê Quang L.

Bản án sơ thẩm số 03/2017/LĐ-ST ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã B đã quyết định: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quang L đối với bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn N về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn N nhận ông Lê Quang L trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã ký và yêu cầu về việc buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn N thanh toán tiền bảo hiểm thất nghiệp. Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 12 tháng 7 năm 2017, ông Lê Quang L là nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cho rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành thu thập các chứng cứ theo yêu cầu của đại diện nguyên đơn là thu thập chưa đầy đủ chứng cứ, Tòa án chấp nhận các lời khai của những người làm chứng hiện đang làm việc tại Công ty là không khách quan và công nhận bị đơn tiến hành thủ tục thu hẹp sản xuất đúng trình tự thủ tục là trái quy định của Bộ luật Lao động. Đại diện nguyên đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ khi tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, bị đơn chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động là đúng quy định của pháp luật nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 03/2017/LĐ-ST ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 30/6/2017, Tòa án nhân dân thị xã B xét xử vụ án và ban hành Bản án lao động sơ thẩm số 03/2017/LĐ-ST, ngày 12/7/2017 ông L có đơn kháng cáo bản án. Theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, ông L kháng cáo trong thời hạn luật định. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thị xã B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét các yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Quang L:

Đối với yêu cầu kháng cáo của đại diện nguyên đơn về việc Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm thu thập chứng cứ tại Cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương về danh sách lao động và sự biến động tăng giảm lao động tham gia bảo hiểm xã hội ở Công ty N; Theo yêu cầu của đại diện nguyên đơn Tòa án cấp phúc thẩm đã có quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ gửi Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương về sự biến động tăng giảm lao động tại Công ty N từ tháng 3 năm 2015 đến tháng 3 năm 2016. Tại Công văn số 3968/BHXX-TTKT ngày 13/9/2017 Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương đã cung cấp về sự biến động tăng giảm lao động tại Công ty N như sau: Từ tháng 3 năm 2015 đến tháng 7 năm 2015 số lượng lao động của Công ty N ổn định từ 173-176 lao động; Tháng 8/2015 Công ty giảm 15 lao động còn lại 158 lao động; tháng 9/2015 Công ty giảm 03 lao động; tháng 10/2015 Công ty tiếp tục giảm 16 lao động còn 139 lao động; Từ tháng 11 năm 2015 đến tháng 01 năm 2016 lao động của Công ty N giữ nguyên 139 lao động, không

tăng không giảm và sau đó các tháng 02, 3/2016 Công ty tiếp tục giảm 4 và 3 lao động nữa. Như vậy, từ tháng 8 năm 2015 đến tháng 3 năm 2016 lao động của Công ty N chỉ giảm không tăng từ 173 lao động còn 132 lao động.

Đối với yêu cầu của đại diện bị đơn về việc thu thập chứng cứ tại Cục Hải quan tỉnh Bình Dương để làm rõ lượng hàng hóa xuất khẩu của bị đơn sang thị trường nước ngoài thời gian trước và sau khi bị đơn chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn; theo đó Tòa án đã có Quyết định số 03/QĐ-CCTLCC ngày 07/9/2017 yêu cầu Cục Hải quan cung cấp tài liệu, chứng cứ bảng thống kê số lượng container hàng đã xuất khẩu của Công ty N từ tháng 4 năm 2015 đến tháng 3 năm 2016. Tại Công văn số 2264/HQBD-GCQL ngày 14/9/2017 của Cục Hải quan tỉnh Bình Dương và bản thống kê kèm theo đã cung cấp thông tin cho Tòa án như sau: Từ tháng 4 năm 2015 đến tháng 7 năm 2015 bị đơn xuất khẩu mỗi tháng 03 container hàng; từ tháng 8 năm 2015 đến tháng 3 năm 2016 mỗi tháng bị đơn xuất khẩu 02 container (chỉ tháng 12 năm 2015 là xuất khẩu 03 container bởi vì đây là tháng cuối năm).

Ngoài ra, đại diện nguyên đơn còn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ tại Cục Thuế tỉnh Bình Dương để làm rõ tính xác thực của các báo cáo tài chính của Công ty N. Đại diện bị đơn trình bày, từ năm 2015 đến nay, Cục Thuế tỉnh Bình Dương chưa quyết toán thuế tại Công ty. Mặt khác, từ việc thu thập các chứng cứ nêu trên tại Cục Hải quan tỉnh Bình Dương và Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương đã đủ cơ sở để xác định từ tháng 8 năm 2015 đến tháng 3, tháng 4 năm 2016 bị đơn thu hẹp sản xuất, giảm lượng xuất khẩu hàng hóa, tổ chức lại lao động. Vì vậy, không cần thiết phải thu thập chứng cứ tại Cục Thuế tỉnh Bình Dương theo yêu cầu của đại diện nguyên đơn cũng đủ căn cứ để xác định công ty thu hẹp sản xuất, tổ chức lại lao động và không có việc công ty cho người lao động cũ nghỉ việc để tuyển lao động mới.

Về thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty N với ông L:

Hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 21/7/2015 Công ty ban hành Quyết định về cơ cấu lại lao động trong Công ty (**bút lục 280**) nội dung Công ty thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động trong toàn Công ty, thay đổi giảm 30% sản lượng sản xuất. Cùng ngày 21/7/2015, căn cứ các biên bản họp ngày 16 và 18/7/2015, Công ty N ban hành Quyết định số 01/QĐLĐ về việc tinh giảm lao động và ban hành phương án sử dụng lao động, kèm theo danh sách tinh giảm (**bút lục 155-158**). Ngày 25/7/2015, Công ty tiến hành niêm yết các quyết định nêu trên tại cổng ra vào Công ty, chốt bảo vệ, bảng thông báo công việc làm hàng ngày của các tổ (**các bút lục 276-277**). Ngày 22/7/2015 Sở Lao động thương binh và xã hội nhận được Công văn số 01.15/CV-LĐ ngày 21/7/2015 về việc cắt giảm nhân sự do thu hẹp sản xuất kinh doanh kèm theo Quyết định về cơ cấu lại lao động trong Công ty ngày 21/7/2015. Đến ngày 28/7/2015 Sở Lao động thương binh và xã hội trả lời cho Công ty tại Công văn số 1926/CV-SLĐ ngày 28/7/2015 về việc giảm lao động nội dung: *“theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định 05/2015 của Chính phủ ngày 12/01/2015 thì trường hợp thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế mà ảnh hưởng đến việc làm hoặc có nguy cơ mất việc làm, phải*

cho thôi việc từ 02 người lao động trở lên thì người sử dụng lao động thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 44 của Bộ luật Lao động. trường hợp nêu trong công văn của Công ty, pháp luật lao động không điều chỉnh cụ thể. Vấn đề này phụ thuộc hoàn toàn vào sự thỏa thuận của hai bên”. Ngày 16/9/2015 Công ty ban hành Quyết định số 43/2015-QĐCDHĐLĐ về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông Lê Quang L, giải quyết chế độ 45 ngày báo trước số tiền 6.044.000 đồng, hỗ trợ ngoài hợp đồng 717.440 đồng và một số chế độ khác cho ông L.

Đại diện nguyên đơn cung cấp cho Tòa án Công văn số 2727/SLĐTBXH-LĐTLBHXH ngày 05/9/2017 của Sở Lao động thương binh và xã hội tỉnh Bình Dương trả lời ông H đối với Công văn số 01.15/CV-LĐ ngày 21/7/2015 về việc cắt giảm nhân sự do thu hẹp sản xuất kinh doanh của bị đơn. Nội dung Công văn số 2727 xác định việc bị đơn chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động của Công ty N pháp luật không quy định cụ thể và thuộc khoản 3 Điều 36 Bộ luật Lao động là chưa phù hợp bởi trường hợp của bị đơn thuộc khoản 10 Điều 36 và pháp luật lao động cũng đã quy định cụ thể tại Điều 13 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 44 Bộ luật Lao động như trên đã phân tích. Mặt khác, tại Công văn số 2727 của Sở Lao động thương binh và xã hội cũng xác định Công văn số 01.15/CV-LĐ ngày 21/7/2015 của Công ty N là công văn xin ý kiến nên nguyên đơn cho rằng Công ty chưa thực hiện việc thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh tại khoản 3 Điều 44 Bộ luật Lao động. Xét thấy, nội dung Công văn số 01.15/CV-LĐ ngày 21/7/2015 và Quyết định về cơ cấu lại lao động trong Công ty ngày 21/7/2015 được bị đơn gửi cho Sở Lao động thương binh và xã hội tỉnh Bình Dương ngày 22/7/2015 có nội dung: “...nay Công ty TNHH N làm tờ trình này kính gửi Sở Lao động thương binh và xã hội tỉnh Bình Dương về việc cắt giảm nhân sự tại Công ty do thu hẹp sản xuất kinh doanh với số lượng như sau.....trên đây là số lượng nhân sự Công ty sẽ cắt giảm để phù hợp với quy mô sản xuất hiện tại và sắp tới, kính mong quý cơ quan xem xét và có hướng dẫn cụ thể các thủ tục cần thiết và những quy định liên quan đến việc cắt giảm nhân sự này trong thời gian sớm nhất”.

Như vậy, về nội dung Công ty đã thông báo cho cơ quan quản lý lao động cấp tỉnh biết lý do, số lượng lao động sẽ bị cắt giảm đồng thời đề nghị hướng dẫn thủ tục, quy định liên quan đến việc cắt giảm. Việc đề nghị hướng dẫn thủ tục trong trường hợp này không thể phủ định nội dung Công ty đã thông báo cho Sở biết việc cắt giảm lao động. Ngoài ra, thời điểm ngày 21/7/2015 thì Thông tư số 47/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16/11/2015 của Bộ Lao động, thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về hợp đồng, kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ chưa được ban hành vì vậy chưa có hướng dẫn cụ thể đối với văn bản Thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh khi thay đổi cơ cấu, công nghệ như hướng dẫn tại Điều 7 của Thông tư nêu trên.

Đại diện nguyên đơn còn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các lời khai của đại diện công đoàn Công ty và một số người lao động hiện đang làm việc tại Công ty để làm căn cứ giải quyết vụ án là không phù hợp. Xét các bản tự khai (bút lục 227-239), các biên bản xác minh (bút lục 225-226), biên bản lấy lời

khai (bút lục 256-263) đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác minh, thu thập chứng cứ phù hợp với quy định tại các Điều: 97, 98 và Điều 99 Bộ luật Tố tụng dân sự; lời khai của những người làm chứng là thống nhất về việc có được Công ty thông báo sẽ cắt giảm biên chế một số công nhân trong Công ty vào năm 2015 với lý do Công ty thu hẹp sản xuất. Do vậy, ý kiến nêu trên của đại diện nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên xét thấy, việc chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty N đối với ông L thuộc trường hợp quy định tại khoản 10 Điều 36 Bộ luật Lao động; điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Bộ luật Lao động. Các thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động của bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều: 44, 46, 48 Bộ luật Lao động và khoản 3 Điều 13 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật và đình chỉ xét xử do nguyên đơn rút yêu cầu buộc bị đơn nhận nguyên đơn trở lại làm việc và buộc bị đơn thanh toán tiền bảo hiểm thất nghiệp là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Quang L; Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Án phí phúc thẩm ông L được miễn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Quang L. Giữ nguyên phần quyết định của Bản án sơ thẩm số 03/2017/LĐ-ST ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương như sau:

Áp dụng:

- Khoản 10 Điều 36; các Điều: 44, 46 và 48 Bộ luật Lao động;

- Điều 13 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động.

- Điểm a khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quang L đối với bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn N về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang L về việc yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn N nhận ông Lê Quang L trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã ký và yêu cầu buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn N thanh toán tiền bảo hiểm thất nghiệp.

3. Về án phí sơ thẩm, phúc thẩm: Ông Lê Quang L không phải nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, Tòa LĐ, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhàn

CÁC THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Hữu Xuân Nguyễn Đức Cường

Trần Thị Nhàn

